

Số: 97/BC-THCSNN

Nậm Nèn, ngày 12 tháng 6 năm 2025

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2024-2025

Thực hiện thông tư số: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ GD&ĐT quy định về công khai trong hoạt động của các cơ ở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trường THCS Nậm Nèn báo cáo công tác hoạt động của đơn vị năm 2024-2025, cụ thể như sau:

### I. Thông tin chung của đơn vị.

Tên trường: **TRƯỜNG THCS NẬM NÈN**

Cơ quan chủ quản: **ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ**

|                                |           |                              |                                                                                           |
|--------------------------------|-----------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tỉnh                           | Điện Biên | Họ và tên hiệu trưởng        | Phạm Văn Mạnh                                                                             |
| Huyện                          | Mường Chà | Điện thoại                   | 0977.334.232                                                                              |
| Xã                             | Nậm Nèn   | Email cá nhân                | manhvp.thcshuangai.muongcha@dienbien.edu.vn                                               |
| Đạt chuẩn quốc gia             | x         | Website trường               | <a href="http://thcsnamnen.pgdmuongcha.edu.vn/">http://thcsnamnen.pgdmuongcha.edu.vn/</a> |
| Năm thành lập                  | 2001      | Email trường                 | thcsnamnen.muongcha@dienbien.edu.vn                                                       |
| Công lập                       | X         | Số điểm trường               | 0                                                                                         |
| Tư thực                        | 0         | Loại hình khác               | 0                                                                                         |
| Trường chuyên biệt             | 0         | Thuộc vùng khó khăn          | 0                                                                                         |
| Trường liên kết với nước ngoài | 0         | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | x                                                                                         |

Xã Nậm Nèn là xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, phía bắc giáp xã Pa Ham, phía nam giáp xã Mường Mùn huyện Tuần Giáo, phía tây giáp xã Hừa Ngải, phía đông giáp huyện Tủa Chùa với 8 bản, trong đó xã nằm toàn bộ trong vùng thực hiện chương trình 135 của chính phủ. Địa hình xã rất phức tạp, núi non hiểm trở, giao thông đi lại hết sức khó khăn, điều kiện khí hậu khắc nghiệt; diện tích tự nhiên rộng, bao gồm 4 dân tộc anh em chung sống, trong đó người dân tộc H'mông và người Thái chiếm phần lớn.

Trường THCS Nậm Nèn được thành lập theo Quyết định số 591/QĐ-UBND, ngày 29 tháng 07 năm 2001 trải qua hơn 24 năm phấn đấu và trưởng

thành nhà trường đã không ngừng phát triển, từng bước ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Trường có 1 hội đồng trường với 11 thành viên được thành lập đúng quy định.

Ban giám hiệu nhà trường gồm 3 đồng chí có năng lực và được bổ nhiệm theo đúng quy định.

Trường có cơ sở vật chất khang trang với 8 phòng học, 4 phòng chức năng, 10 phòng nội trú, 5 phòng công vụ, 1 nhà thi đấu đa năng, 1 nhà bếp, hệ thống các khối phòng hành chính, phục vụ đầy đủ được kiên cố và được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho giảng dạy và học tập. Được sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mường Chà cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh. Trường THCS Nậm Nền đã hoàn thành PC GDTHCS năm 2008 và được UBND tỉnh công nhận Trường chuẩn quốc gia vào tháng 4 năm 2017, đến tháng 5 năm 2022 nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng mức độ 2 và trường chuẩn quốc gia mức độ 1 .

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và Đào tạo; Trường THCS Nậm Nền thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn xã Nậm Nền: Giảng dạy, huy động trẻ em lứa tuổi THCS đến trường; tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật; thực hiện phổ cập giáo dục THCS. Dưới sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp, chính quyền địa phương, đặc biệt Phòng GD&ĐT huyện Mường Chà, cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ giáo viên, học sinh nhà trường, chất lượng giáo dục đã có những chuyển biến rõ rệt, cụ thể:

Chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh luôn đảm bảo và ngày một nâng cao. Hàng năm nhà trường đều có học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động tích cực, góp phần cùng nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ các năm học.

Công tác thu chi tài chính của nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc theo đúng nguyên tắc tài chính.

Với những nỗ lực đó nhà trường đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận: Từ năm 2017 đến nay nhà trường luôn duy trì danh hiệu tập thể lao động tiên tiến hoặc tập thể lao động xuất sắc, nhiều lần được UBND huyện tặng giấy khen, hàng năm cán bộ, giáo viên đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và được tặng Giấy khen, Bằng khen. Đặc biệt năm học 2021 – 2022 nhà trường được UBND tỉnh Điện Biên tặng Bằng khen.

Tuy nhiên, để đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong giai đoạn hiện nay, đòi hỏi nhà trường phải không ngừng đổi mới, tích cực hòa nhập, giao lưu học hỏi, tiếp cận, tiếp thu những kiến thức, những kinh nghiệm tiên tiến của trường bạn về áp dụng vào trường mình một cách phù hợp, hiệu quả. Một yêu cầu đặt ra với cán bộ giáo viên, nhân viên, học sinh trường THCS Nậm Nền là

phải luôn luôn cố gắng, học hỏi để duy trì, nâng cao chất lượng trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia trong các năm học tiếp theo.

**II. Đội ngũ nhà giáo cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.**

Đội ngũ Cán bộ, giáo viên, nhân viên tính đến 31/5/2025.

|                                | TS        | Nữ       | DT        | Đã<br>g<br>viên | Trình độ chuyên môn |           |          |          |    |          | Biên<br>chế | Hợp<br>đồng<br>g |
|--------------------------------|-----------|----------|-----------|-----------------|---------------------|-----------|----------|----------|----|----------|-------------|------------------|
|                                |           |          |           |                 | ThS                 | Đ<br>H    | CD       | T<br>C   | SC | CQ<br>ĐT |             |                  |
| <b>1. Ban giám hiệu</b>        | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>2</b>  | <b>3</b>        | <b>0</b>            | <b>3</b>  |          |          |    |          | <b>3</b>    |                  |
| Hiệu trưởng                    | 1         | 0        | 0         | 1               | 0                   | 1         |          |          |    |          | 1           |                  |
| Phó hiệu trưởng                | 2         | 0        | 2         | 2               |                     | 2         |          |          |    |          | 2           |                  |
| <b>2. GV giảng dạy</b>         | <b>15</b> | <b>3</b> | <b>13</b> | <b>11</b>       | <b>0</b>            | <b>15</b> | <b>0</b> |          |    |          | <b>15</b>   |                  |
| - Văn, Sử, GDCD                | 3         | 1        | 2         | 3               | 0                   | 3         | 0        |          |    |          | 3           |                  |
| - Toán, Lý, CN                 | 2         | 0        | 2         | 1               | 0                   | 2         | 0        |          |    |          | 2           |                  |
| - Sinh, Hoá, Địa               | 3         | 1        | 2         | 2               | 0                   | 3         | 0        |          |    |          | 3           |                  |
| - Tin                          | 2         | 0        | 2         | 2               | 0                   | 2         | 0        |          |    |          | 2           |                  |
| - Thể dục                      | 1         | 0        | 1         | 1               | 0                   | 1         | 0        |          |    |          | 1           |                  |
| - Ngoại ngữ                    | 2         | 1        | 2         | 1               | 0                   | 2         | 0        |          |    |          | 2           |                  |
| - Âm nhạc                      | 1         | 0        | 1         | 0               | 0                   | 1         | 0        |          |    |          | 1           |                  |
| - Mỹ thuật                     | 1         | 0        | 1         | 1               | 0                   | 1         | 0        |          |    |          | 1           |                  |
| <b>3. TPT Đội<br/>TNTP HCM</b> | <b>1</b>  | <b>0</b> | <b>1</b>  | <b>1</b>        |                     | <b>1</b>  |          |          |    |          | <b>1</b>    |                  |
| Bán chuyên trách               | 1         | 0        | 1         | 1               |                     | 1         |          |          |    |          | 1           |                  |
| <b>4. Nhân viên</b>            | <b>5</b>  | <b>2</b> | <b>5</b>  | <b>2</b>        | <b>0</b>            | <b>2</b>  | <b>0</b> | <b>2</b> |    | <b>1</b> | <b>4</b>    | <b>1</b>         |
| Thiết bị                       | 1         | 0        | 1         | 1               | 0                   | 0         | 0        | 1        |    |          | 1           |                  |
| Thư viện                       | 1         | 1        | 1         | 0               | 0                   | 1         | 0        | 0        |    |          | 1           |                  |
| Y tế                           | 1         | 1        | 1         | 1               | 0                   | 0         | 0        | 1        |    |          | 1           |                  |
| Kế toán                        | 1         | 0        | 1         | 0               |                     | 1         | 0        |          |    |          | 1           |                  |
| Văn thư                        | 0         | 0        | 0         | 0               |                     |           |          | 0        |    |          | 0           |                  |
| Bảo vệ                         | 1         | 0        | 1         | 0               |                     |           |          |          |    | 1        |             | 1                |

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trình độ đào tạo, và đạt chuẩn nghề nghiệp từ khá trở lên,
- 100% cán bộ giáo viên hoàn thành các chương trình bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

**III. Cơ sở vật chất.**

Năm học 2024-2025 nhà trường được đầu tư CSVC tương đối khang trang và sạch sẽ:

- Phòng học tập: 8 phòng kiên cố
- Phòng học bộ môn gồm: 1 Phòng tin học, 1 phòng ngoại ngữ, 2 phòng KHTN, 1 phòng KHXH (Nghệ thuật)

- Phòng hỗ trợ học tập: 1 Phòng Thư viện, 1 phòng thiết bị, 1 phòng Đoàn Đội, 1 phòng công đoàn, truyền thống, 1 nhà thi đấu đa năng.

- Phòng quản trị hành chính: 3 Phòng BGH, 1 phòng VT-KT, 1 phòng BV, 1 phòng hội đồng.

- Phòng phụ trợ: 2 phòng Tổ CM, 1 phòng y tế tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập cho học sinh.

- Phòng phục vụ sinh hoạt: 8 phòng ở nội trú HS, 5 phòng công vụ GV, 1 phòng QL HS (phòng trực), 1 nhà bếp và kho, 1 nhà ăn, 1 nhà kho (tạm)

- Công trình phụ trợ: 1 nhà VS của GV; 2 nhà VS của HS; 1 công trình cấp nước (khe núi); 02 giếng khoan, có cổng trường, tường rào, sân TDTT của HS...

- Đất: Tổng diện tích đất là 9074,3 m<sup>2</sup> diện thích tối thiểu cho 1 học sinh là 37,3 m<sup>2</sup>/học sinh, đảm bảo theo quy định.

- Số thiết bị giáo dục phục vụ cho công tác dạy và học đảm bảo và đạt 70% số thiết bị đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Sách giáo khoa được lựa chọn và sử dụng bộ sách “ Kết nối tri thức” của nhà xuất bản Giáo dục để thực hiện giảng dạy trong nhà trường.

#### **IV. Kiểm định chất lượng giáo dục.**

Năm học 2024-2025 nhà trường thành lập hội đồng tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá, cải tiến chất lượng hàng năm.

Kết quả trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 02 và trường chuẩn quốc gia cấp độ 1 vào tháng 5 năm 2022.

Đạt chuẩn PCGD THCS Mức độ 3 năm 2019.

#### **V. Kết quả hoạt động giáo dục.**

Năm học 2024-2025 nhà trường tuyển sinh được 60/61 em đạt 98,4% vào lớp 6 với phương thức tuyển sinh là xét tuyển (Do có 1 em chuyển trường về Hưng Yên theo gia đình).

Thực hiện nghiêm kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình GDPT 2018, đảm bảo kế hoạch và mục tiêu đặt ra.

Trong năm học nhà trường đã xây dựng các quy chế dân chủ, quy chế chuyên môn, quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa nhà trường và xã hội nhằm nâng cao chất lượng công việc, giáo dục đạo đức học sinh.

Năm học 2024-2025:

Tổng số học sinh: 243 trong đó có 8 lớp (2 lớp 9; 2 lớp 8; 2 lớp 7; 2 lớp 6) đạt 100% kế hoạch giao.

- Về chất lượng giáo dục học sinh trong năm học 2024 - 2025:

+ Kết quả chuyển lớp thẳng:  $184/191 = 96,3\%$

+ Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS:  $52/52 = 100\%$

### Kết quả học tập:

| KHỐI         | HS         | Tốt      |             | Khá       |              | Đạt        |              | CD       |             |
|--------------|------------|----------|-------------|-----------|--------------|------------|--------------|----------|-------------|
|              |            | SL       | TL          | SL        | TL           | SL         | TL           | SL       | TL          |
| 6A1          | 29         | 3        | 10,3%       | 13        | 44,8         | 13         | 44,8%        | 0        | 0%          |
| 6A2          | 31         | 0        | 0%          | 1         | 3,2%         | 27         | 87,1%        | 3        | 9,7%        |
| <b>6</b>     | <b>60</b>  | <b>3</b> | <b>5%</b>   | <b>14</b> | <b>23,3%</b> | <b>40</b>  | <b>66,7%</b> | <b>3</b> | <b>5%</b>   |
| 7B1          | 37         | 1        | 2,7%        | 20        | 54,1%        | 16         | 43,2%        | 0        | 0%          |
| 7B2          | 34         | 0        | 0%          | 1         | 2,9%         | 31         | 91,1%        | 2        | 5,9%        |
| <b>7</b>     | <b>71</b>  | <b>1</b> | <b>1,4%</b> | <b>21</b> | <b>29,6%</b> | <b>47</b>  | <b>66,2%</b> | <b>2</b> | <b>2,8%</b> |
| 8C1          | 29         | 0        | 10,3%       | 1         | 3,4%         | 26         | 89,7%        | 2        | 6,9%        |
| 8C2          | 31         | 3        | 9,7%        | 13        | 41,9%        | 15         | 48,3%        | 0        | 0%          |
| <b>8</b>     | <b>60</b>  | <b>3</b> | <b>5%</b>   | <b>14</b> | <b>23,3%</b> | <b>41</b>  | <b>68,4%</b> | <b>2</b> | <b>3,3%</b> |
| 9D1          | 24         | 0        | 0%          | 0         | 0%           | 24         | 100%         | 0        | 0%          |
| 9D2          | 28         | 1        | 3,6%        | 7         | 25%          | 20         | 71,4%        | 0        | 0%          |
| <b>9</b>     | <b>52</b>  | <b>1</b> | <b>1,9%</b> | <b>7</b>  | <b>13,5%</b> | <b>44</b>  | <b>84,6%</b> | <b>0</b> | <b>0%</b>   |
| <b>Tổng:</b> | <b>243</b> | <b>8</b> | <b>3,3</b>  | <b>56</b> | <b>23%</b>   | <b>172</b> | <b>70,8%</b> | <b>8</b> | <b>3,3%</b> |

### Kết quả rèn luyện:

| KHỐI         | HS         | Tốt        |              | Khá       |              | Đạt       |             | CD       |             |
|--------------|------------|------------|--------------|-----------|--------------|-----------|-------------|----------|-------------|
|              |            | SL         | TL           | SL        | TL           | SL        | TL          | SL       | TL          |
| 6A1          | 29         | 20         | 69%          | 6         | 20,7         | 3         | 10,3%       | 0        | 0,0%        |
| 6A2          | 31         | 17         | 54,8%        | 11        | 35,5%        | 3         | 9,7%        | 0        | 0,0%        |
| <b>6</b>     | <b>60</b>  | <b>37</b>  | <b>61,7%</b> | <b>17</b> | <b>28,3%</b> | <b>6</b>  | <b>10%</b>  | <b>0</b> | <b>0,0%</b> |
| 7B1          | 37         | 29         | 78,4%        | 6         | 16,2%        | 2         | 5,4%        | 0        | 0,0%        |
| 7B2          | 34         | 22         | 64,7%        | 11        | 32,4%        | 1         | 2,9%        | 0        | 0,0%        |
| <b>7</b>     | <b>71</b>  | <b>51</b>  | <b>71,8%</b> | <b>17</b> | <b>24%</b>   | <b>3</b>  | <b>4,2%</b> | <b>0</b> | <b>0,0%</b> |
| 8C1          | 29         | 11         | 38%          | 16        | 55,2%        | 2         | 6,9%        | 0        | 0,0%        |
| 8C2          | 31         | 28         | 90,3%        | 2         | 6,5%         | 1         | 3,2%        | 0        | 0,0%        |
| <b>8</b>     | <b>57</b>  | <b>39</b>  | <b>65%</b>   | <b>18</b> | <b>30%</b>   | <b>3</b>  | <b>5%</b>   | <b>0</b> | <b>0,0%</b> |
| 9D1          | 24         | 16         | 66,7%        | 4         | 16,7%        | 4         | 16,7%       | 0        | 0,0%        |
| 9D2          | 28         | 21         | 75%          | 4         | 57,1%        | 0         | 0%          | 0        | 0,0%        |
| <b>9</b>     | <b>52</b>  | <b>37</b>  | <b>71,2%</b> | <b>8</b>  | <b>15,4%</b> | <b>4</b>  | <b>7,7%</b> | <b>0</b> | <b>0,0%</b> |
| <b>Tổng:</b> | <b>243</b> | <b>164</b> | <b>67,5%</b> | <b>63</b> | <b>25,9%</b> | <b>16</b> | <b>6,6%</b> | <b>0</b> | <b>0,0%</b> |

- Năm 2024-2025 có 75% học sinh TN THCS tham gia thi tuyển sinh và trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT và TTGDTX trên địa bàn huyện và tỉnh.

\* Tham gia các cuộc thi:

- Thi HSG các môn văn hóa lớp 9

+ Cấp trường : 9 học sinh

+ Cấp huyện : 5 giải (Trong đó 1 giải nhì, 1 giải KK môn LS&DL và 3 giải KK môn Ngữ văn.

+ Cấp tỉnh : 2 giải KK môn Ngữ Văn và môn Lịch sử và Địa lí.

- Thi Olympic 6,7,8:

+ Cấp trường 33 em đạt giải.

+ Cấp huyện có 13 em đạt giải trong đó có: 1 giải ba, 2 giải KK môn Tin 7,8; 2 giải KK Ngữ văn 6; 2 giải KK môn Ngữ văn 7; 3 giải KK môn Ngữ văn 8; 1 giải KK môn LS&ĐL 7 và 2 giải KK môn Toán 8.

- KHKT Cấp huyện đạt 2 giải khuyến khích.

- Đạt giải 3 thi Vũ điệu sân trường cấp huyện.

- Tham gia thi thể thao học sinh cấp huyện đạt 1 giải nhất đôi nữ Pickleball; giải 3 đôi nữ Pickleball cấp tỉnh.

- Có 4 sản phẩm đăng ký tham gia thi STTTN cấp huyện.

So với năm học 2023 – 2024: Kết quả học tập có những chuyển biến rõ rệt, phản ánh đúng kết quả giáo dục của nhà trường.

## **VI. Kết quả tài chính.**

### *a) Thu phí, lệ phí*

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng;

- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng;

- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

### *b) Quyết toán chi ngân sách:*

Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng;

Dự toán được giao trong năm: 6.778.198.000 đồng, trong đó:

+ Dự toán giao đầu năm: 5.447.420.000 đồng;

+ Dự toán bổ sung trong năm: 1.330.778.000 đồng;

- Kinh phí thực nhận trong năm: 6.778.198.000 đồng

- Kinh phí quyết toán: 6.754.218.210 đồng;

- Kinh phí giảm trong năm: 23.979.790 đồng.

- Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 0 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí đã nhận: 0 đồng;

+ Dự toán còn dư ở Kho bạc: 0 đồng

## **VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác: Không**

### **Nơi nhận**

- Website;
- Phòng GD&ĐT (b/c);
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Văn Mạnh**